

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo thu nhập toàn diện	02-03
Báo cáo tình hình tài chính	04-06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07-09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	14.740.268.650	1.366.201.245
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a) 13.980.947.047	893.838.845
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	29.b) 759.321.603	472.362.400
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	11.996.713.456	9.688.258.366
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.664.978.512	8.558.123.065
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	74.213.795
08	1.8	Doanh thu tư vấn	236.363.636	975.000.000
09	1.9	Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	-	-
10	1.10	Doanh thu lưu ký chứng khoán	530.403.649	400.903.631
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	1.323.659.302	1.629.652.734
20		Cộng doanh thu hoạt động	34.492.387.205	22.692.352.836
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	540.903	1.851.251.827
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a) 540.903	1.851.251.827
23	2.3	Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	2.904.184.708	1.260.674.516
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	5.258.379.712	1.752.865.874
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	16.534.688	12.341.464
27	2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	2.684.074.902	2.538.178.590
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành	-	-
29	2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn	655.923.000	1.898.311.250
30	2.10	Chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác	-	-
31	2.11	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	505.071.323	286.663.468
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	28 9.600.000	500.000
40		Cộng chi phí hoạt động	12.034.309.236	9.600.786.989
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
60		Cộng chi phí tài chính	-	-
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31 10.179.246.643	8.868.540.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		12.278.831.326	4.223.025.329
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		14.366.998	400.574.354
72	8.2 Chi phí khác		9.795	490.289.635
80	Cộng kết quả hoạt động khác		14.357.203	(89.715.281)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		12.293.188.529	4.133.310.048
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		12.293.188.529	4.133.310.048
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	32	2.649.861.720	(83.670.230)
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.	2.649.861.720	(83.670.230)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		9.643.326.809	4.216.980.278
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	33	243	106

Quách Thị Xuân Thu
Người lậpPhạm Thị Vân
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		530.459.773.332	406.532.835.691
110	I. Tài sản tài chính		527.491.270.973	403.393.082.184
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	84.004.646.742	24.666.322.744
111.1	1.1 Tiền		84.004.646.742	13.942.322.744
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	10.724.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	114.787.378.773	82.412.041.508
114	4. Các khoản cho vay	5	316.726.845.360	279.205.358.602
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	5.000.000.000	20.000.000.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(20.053.085.523)	(17.027.634.840)
117	7. Các khoản phải thu	7	22.765.598.203	8.862.019.665
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		22.215.598.203	8.862.019.665
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		550.000.000	-
117.4	7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		550.000.000	-
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.895.388.409	1.406.929.277
122	12. Các khoản phải thu khác		5.882.349.229	7.385.895.448
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.968.502.359	3.139.753.507
131	1. Tạm ứng		478.073.750	754.601.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.752.231.176	1.747.452.532
135	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	738.197.433	637.699.975
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		156.042.097.126	154.102.478.774
220	II. Tài sản cố định		139.302.974.944	143.438.837.488
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.313.337.306	13.331.976.385
222	- Nguyên giá		26.798.723.276	26.679.813.276
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.485.385.970)	(13.347.836.891)
223b	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	126.989.637.638	130.106.861.103
228	- Nguyên giá		151.515.305.185	151.377.094.185
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.525.667.547)	(21.270.233.082)
229b	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý		-	-
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.826.313.613	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		11.912.808.569	10.663.641.286
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	747.188.416	700.307.416
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	11.165.620.153	9.963.333.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		686.501.870.458	560.635.314.465

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		259.148.970.282	150.758.590.621
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		259.148.970.282	150.758.590.621
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	166.606.080.573	111.938.256.442
312	1.1 Vay ngắn hạn		166.606.080.573	111.938.256.442
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1.752.012.060	27.694.587.018
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		502.386.610	528.581.415
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.082.566.077	1.539.337.207
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.456.863.054	2.993.630.354
323	11. Phải trả người lao động		1.206.899.615	939.349.299
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		18.497.370	35.668.100
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn		863.913.298	37.816.660
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		216.000.000	216.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	82.443.751.625	4.835.364.126
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		427.352.900.176	409.876.723.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	427.352.900.176	409.876.723.844
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		397.000.000.000	397.000.000.000
414	4. Quỹ dự trữ điều lệ		3.331.847.240	2.986.678.942
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.331.847.240	2.986.678.942
417	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.689.205.696	6.903.365.960
417.1	7.1 Lợi nhuận đã thực hiện		23.689.205.696	6.903.365.960
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		427.352.900.176	409.876.723.844
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		686.501.870.458	560.635.314.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	33.274.480.000	14.703.530.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		33.274.480.000	14.703.530.000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	20	180.000	-
009.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		180.000	-
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	83.525.750.000	85.947.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Số lượng chứng khoán				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	3.805.550.950.000	2.305.437.410.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		3.266.481.020.000	2.052.417.420.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		36.992.030.000	98.195.910.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		468.601.380.000	122.232.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		33.476.520.000	32.592.080.000
021.6	f. Tài sản tài chính chờ cho vay		-	-
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	15.731.370.000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		15.374.670.000	-
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		356.700.000	-
Đồng Việt Nam				
026	6. Tiền gửi của khách hàng	24	161.886.706.019	156.715.217.373
027	6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		161.826.641.788	156.644.340.723
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		161.826.641.788	156.644.340.723
029	6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		60.064.231	70.876.650
030	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	161.826.641.788	156.644.340.723
030.1	7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		161.826.641.788	156.644.340.723
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27	60.064.231	70.876.650

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		12.293.188.529	4.133.310.048
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.100.226.463	1.161.682.958
04	- Các khoản dự phòng		5.258.379.712	1.752.865.874
06	- Chi phí phải trả, chi phí trả trước		494.434.841	31.701.556
20	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ			
27	- Hoàn nhập chi phí dự phòng			-
30	5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động			
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		(45.880.579.264)	(5.705.527.418)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(3.797.567.313)	(16.415.312.777)
35	- Tăng (giảm) các tài sản khác		811.923.159	820.185.237
42	6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.719.993.873)	(14.221.094.522)
43	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(14.671.148.242)	(8.862.019.665)
44	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		(528.222.222)	-
45	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(429.151.282)	40.807.907
47	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(22.420.637)	2.661.221.453
48	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		1.146.743.960	436.040.190
49	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán		946.176.536	27.143.208.810
50	- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(848.392.473)	2.359.247
51	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		83.478.872.122	(41.704.266.996)
52	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế TNDN công ty chứng khoán đã nộp		1.078.361.786	337.222.828
53	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		516.829.334	2.112.849.685
54	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.665.598.463)	(782.137.465)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.282.056.546	(32.835.808.528)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(4.674.692.000)	(269.400.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.674.692.000)	(269.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
			VND	VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		2.273.201.468.126	1.036.823.129.592
73.2	3,2 Tiền vay khác		2.273.201.468.126	1.036.823.129.592
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.297.227.963.512)	(984.868.270.307)
74.1	4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	-
74.2	4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		-	-
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(2.297.227.963.512)	(984.868.270.307)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.026.495.386)	51.954.859.285
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		24.580.869.160	18.849.650.757
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		59.423.777.582	5.816.671.987
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		59.423.777.582	5.816.671.987
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		59.423.777.582	5.816.671.987
102.2	- Các khoản tương đương tiền		-	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		84.004.646.742	24.666.322.744
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		84.004.646.742	24.666.322.744
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		84.004.646.742	13.942.322.744
104.2	- Các khoản tương đương tiền		-	10.724.000.000

Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.607.926.242.620	1.720.255.279.700
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.590.285.110.200)	(1.598.293.910.900)
09	9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(4.013.535.692)	(129.095.772.299)
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(530.403.649)	(400.903.631)
12	12. Thu lãi giao dịch chứng khoán		-	-
13	13. Chi lãi giao dịch chứng khoán		-	-
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.800.815.000	639.003.077.110
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.032.105.000)	(628.883.973.226)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		13.865.903.079	2.583.796.754
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		148.020.802.940	154.131.420.619
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		148.020.802.940	154.131.420.619
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		147.960.338.854	154.124.754.469
36	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		60.464.086	6.666.150
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		161.886.706.019	156.715.217.373
41	Tiền gửi ngân hàng cuối Kỳ trước:		161.886.706.019	156.715.217.373
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		161.826.641.788	156.644.340.723
46	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		60.064.231	70.876.650

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân *[Handwritten signature]*
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải *[Handwritten signature]*
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	Năm 2015		Năm 2016		31/12/2015	31/12/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		2.986.678.942	2.986.678.942	-	-	345.168.298	-	2.986.678.942	3.331.847.240
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.986.678.942	2.986.678.942	-	-	345.168.298	-	2.986.678.942	3.331.847.240
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.913.305.026)	6.903.365.960	13.816.670.986	-	23.034.176.332	6.248.336.596	6.903.365.960	23.689.205.696
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(6.913.305.026)	6.903.365.960	13.816.670.986	-	23.034.176.332	6.248.336.596	6.903.365.960	23.689.205.696
CỘNG		396.060.052.858	409.876.723.844	13.816.670.986	-	23.724.512.928	6.248.336.596	409.876.723.844	427.352.900.176

QR

Phạm Thị Vân



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần 4 ngày 22 tháng 4 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu;
Phòng Giao dịch tại Mỹ Đình.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh của toàn công ty và được ghi sổ kế toán tại Hội sở chính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chí phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

2.6 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- | | |
|---|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 04 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |
| - Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. | |

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ quá hạn hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý, phải trả cổ tức cho đơn vị phát hành.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Và chi phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

2.14 . Ghi nhận chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;

2.16 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	84.004.646.742	13.942.322.744
Các khoản tương đương tiền	-	10.724.000.000
	84.004.646.742	24.666.322.744

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	4.121.051	58.271.000.000
- Cổ phiếu	4.121.051	58.271.000.000
- Trái phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	327.129.000	3.190.779.000.000
- Cổ phiếu	327.129.000	3.190.779.000.000
	331.250.051	3.249.050.000.000

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	39.563.037.802	-	22.510.566.154	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	75.224.340.971	-	59.901.475.354	-
	114.787.378.773	-	82.412.041.508	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	5.000.000.000	-	20.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin	296.875.004.546	249.915.953.905
Hoạt động ứng trước tiền bán	19.851.840.814	29.289.404.697
	316.726.845.360	279.205.358.602

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán giá gốc)

	Cơ sở lập dự phòng kỳ này (ngày 31/12/2016)			Giá trị lập dự phòng kỳ trước (30/09/2016)	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này	
	Số lượng	Giá sổ sách	Giá thị trường			Giá trị dự phòng
		VND	VND			VND
FVTPL		114.787.378.773	35.718.767.290	(3.961.063.385)	(524.469.434)	(3.436.593.951)
Cổ phiếu niêm yết		39.563.037.802	35.715.487.590	(3.952.288.306)	(515.939.817)	(3.436.348.489)
- SHN	2.100.056	27.467.958.457	24.360.649.600	(3.107.308.857)		(3.107.308.857)
- VNM	40.024	5.493.154.076	5.027.014.400	(466.139.676)		(466.139.676)
- VCB	60.049	2.266.685.215	2.128.737.050	(137.948.165)		(137.948.165)
- BVH	30.021	1.780.671.695	1.747.222.200	(33.449.495)		(33.449.495)
- Cổ phiếu lẻ	155.404	2.554.568.359	2.451.864.340	(207.442.113)	(515.939.817)	308.497.704
Cổ phiếu chưa niêm yết		75.224.340.971	3.279.700			
Chứng khoán Upcom		11.994.194	3.279.700	(8.775.079)	(8.529.617)	(245.462)
- Cổ phiếu lẻ	970	11.994.194	3.279.700	(8.775.079)	(8.529.617)	(245.462)
Cổ phiếu chưa niêm yết khác		75.212.346.777	-	-	-	-
- Công ty CP Giấy An Hòa	386.000	38.600.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	2.765.584	25.114.006.552	-	-	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình	440.000	4.400.000.000	-	-	-	-
- CTCP Bất Động Sản Exim	380.000	3.230.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	75.700	957.605.000	-	-	-	-
- Khác	772.215	2.910.735.225	-	-	-	-
AFS		5.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	500.000	5.000.000.000	-	-	-	-
	7.706.023	119.787.378.773	35.718.767.290	(3.961.063.385)	(524.469.434)	(3.436.593.951)

Ghi chú:

- Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, Công ty không trích lập dự phòng do không có căn cứ để xác định giá trị trường của cổ phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp	16.092.022.138	13.970.236.377
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	3.961.063.385	3.057.398.463
Tại ngày 31/12	<u>20.053.085.523</u>	<u>17.027.634.840</u>

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	22.215.598.203	8.862.019.665
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	550.000.000	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.895.388.409	1.406.929.277
Phải thu khác	5.882.349.229	7.385.895.448
	<u>30.543.335.841</u>	<u>17.654.844.390</u>

8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Tại ngày 31/12	3.517.850.220	3.517.850.220
Tại ngày 31/12	<u>3.517.850.220</u>	<u>3.517.850.220</u>

Bảng biểu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (trang 21)

9 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	747.188.416	700.307.416
	<u>747.188.416</u>	<u>700.307.416</u>

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng khác	116.926.240	356.926.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	599.196.950	280.773.975
Phải thu ứng trước Bảo hiểm xã hội	5.246.050	-
Phải thu ứng trước khác	16.828.193	-
	<u>738.197.433</u>	<u>637.699.975</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Bảng biểu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Giá trị phải thu khó đòi	Quý 4/2016				Quý 4/2015	
	Số đầu kỳ	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối kỳ		
		VND	VND	VND	VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	-	(940.655.553)	(940.655.553)
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	9.700.202.321	14.338.897.955	2.640.713.000	-	-	26.679.813.276
Mua trong kỳ	-	118.910.000	-	-	-	118.910.000
Tại ngày 31/12/2016	9.700.202.321	14.457.807.955	2.640.713.000	-	-	26.798.723.276
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	732.993.154	11.259.230.699	1.355.613.038	-	-	13.347.836.891
Khấu hao trong kỳ	226.136.676	647.341.111	264.071.292	-	-	1.137.549.079
Tại ngày 31/12/2016	959.129.830	11.906.571.810	1.619.684.330	-	-	14.485.385.970
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	8.967.209.167	3.079.667.256	1.285.099.962	-	-	13.331.976.385
Tại ngày 31/12/2016	8.741.072.491	2.551.236.145	1.021.028.670	-	-	12.313.337.306

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.412.651.009 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	125.000.000.000	26.377.094.185	151.377.094.185
Mua trong kỳ	-	138.211.000	138.211.000
Tại ngày 31/12/2016	125.000.000.000	26.515.305.185	151.515.305.185
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	-	21.270.233.082	21.270.233.082
Khấu hao trong kỳ	-	3.255.434.465	3.255.434.465
Tại ngày 31/12/2016	-	24.525.667.547	24.525.667.547
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình			
Tại ngày 01/01/2016	125.000.000.000	5.106.861.103	130.106.861.103
Tại ngày 31/12/2016	125.000.000.000	1.989.637.638	126.989.637.638

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	10.460.379.535	6.881.922.825
Tiền lãi phân bổ trong năm/kỳ	585.240.618	2.961.411.045
Số dư cuối kỳ	11.165.620.153	9.963.333.870

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số dư đầu kỳ (01/10/2016) VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ (31/12/2016) VND
Vay ngắn hạn	190.632.575.959	2.273.201.468.126	2.297.227.963.512	166.606.080.573
Vay ngân hàng				
TMCP An Bình	129.727.099.999	2.221.964.224.376	2.257.953.963.512	93.737.360.863
Vay ngân hàng				
TMCP Đông Nam Á	-	9.800.000.000	9.800.000.000	-
Vay đối tượng khác	60.905.475.960	41.437.243.750	29.474.000.000	72.868.719.710
	190.632.575.959	2.273.201.468.126	2.297.227.963.512	166.606.080.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	354.230.278	-
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	27.493.958.500
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	184.008.136	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.213.773.646	200.628.518
	<u>1.752.012.060</u>	<u>27.694.587.018</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8.886.948	83.758.754
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.649.861.720	981.905.564
Thuế Thu nhập cá nhân	1.798.114.386	1.927.966.036
	<u>4.456.863.054</u>	<u>2.993.630.354</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả khách hàng bán cổ phiếu thoái vốn	82.350.146.182	-
Phải trả Ngân hàng TMCP An Bình	-	4.742.383.589
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.605.443	92.980.537
	<u>82.443.751.625</u>	<u>4.835.364.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	5,20%	20.650.000.000	5,20%	20.650.000.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Đào Mạnh Kháng	6,34%	25.150.000.000	6,34%	25.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	16,03%	63.625.850.000	16,03%	63.625.850.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	9.643.326.809	4.216.980.278
	9.643.326.809	4.216.980.278

c) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	33.274.480.000	14.703.530.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	-
	<u>33.274.480.000</u>	<u>14.703.530.000</u>

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	180.000	-
	<u>180.000</u>	<u>-</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	83.525.750.000	85.947.000.000
	<u>83.525.750.000</u>	<u>85.947.000.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.266.481.020.000	2.052.417.420.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	36.992.030.000	98.195.910.000
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	468.601.380.000	122.232.000.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	33.476.520.000	32.592.080.000
	<u>3.805.550.950.000</u>	<u>2.305.437.410.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	15.374.670.000	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	356.700.000	-
	<u>15.731.370.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	161.826.641.788	156.644.340.723
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	161.826.641.788	156.644.340.723
1.1. Nhà đầu tư trong nước	161.813.175.502	156.556.556.290
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	13.466.286	87.784.433
	<u>161.826.641.788</u>	<u>156.644.340.723</u>

25 . TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	60.064.231	70.876.650
	<u>60.064.231</u>	<u>70.876.650</u>

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	161.826.641.788	156.644.340.723
1.1. Nhà đầu tư trong nước	161.813.175.502	156.556.556.290
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	13.466.286	87.784.433
	<u>161.826.641.788</u>	<u>156.644.340.723</u>

27 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	60.064.231	70.876.650
	<u>60.064.231</u>	<u>70.876.650</u>

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1.1 Phải trả gốc margin	296.875.004.546	249.915.953.905
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>296.875.004.546</i>	<i>249.915.953.905</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	19.851.840.814	29.289.404.697
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	19.851.840.814	29.289.404.697
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>19.851.840.814</i>	<i>29.289.404.697</i>
	<u>316.726.845.360</u>	<u>279.205.358.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

29 . THU NHẬP**a) . Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này (Quý 4/2016)		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước (Quý 4/2015)	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	2.287.540	13.206.327.500	13.197.434.956	9.433.447	540.903	893.838.845	1.851.251.827
Cổ phiếu chưa niêm yết	367.000	53.567.199.000	39.595.685.400	13.971.513.600	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-
		<u>66.773.526.500</u>	<u>52.793.120.356</u>	<u>13.980.947.047</u>	<u>540.903</u>	<u>893.838.845</u>	<u>1.851.251.827</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	759.321.603	472.362.400
Từ các khoản cho vay	11.996.713.456	9.688.258.366
	12.756.035.059	10.160.620.766

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	1.323.659.302	1.629.652.734
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	157.772.728	-
- Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	1.165.886.574	1.629.652.734
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	1.323.659.302	1.629.652.734

30 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.684.074.902	2.538.178.590
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	505.071.323	286.663.468
Chi phí hoạt động tư vấn	655.923.000	1.898.311.250
Chi phí dịch vụ khác	9.600.000	500.000
	3.854.669.225	4.723.653.308

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	5.278.018.691	4.309.727.361
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	331.082.703	313.648.604
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.100.226.463	1.161.682.958
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.516.299	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.457.402.487	3.082.481.595
	10.179.246.643	8.868.540.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.293.188.529	4.133.310.048
Các khoản điều chỉnh tăng	1.715.441.674	1.257.618.476
- Chi phí không hợp lệ	1.715.441.674	1.257.618.476
Các khoản điều chỉnh giảm	(759.321.603)	(472.362.400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(759.321.603)	(472.362.400)
Tổng thu nhập tính thuế	13.249.308.600	4.918.566.124
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.649.861.720	983.713.225
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	(1.067.383.455)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.649.861.720	(83.670.230)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.643.326.809	4.216.980.278
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.643.326.809	4.216.980.278
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	243	106

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
		VND	VND
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		1.144.999.094	1.153.702.420
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		25.114.006.552	25.114.006.552
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP An Bình (*)		93.737.360.863	111.938.256.442

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này.



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017